



# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI  
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

**Chuyên Đề 6:**  
**TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG TU CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI**  
(HDV: HT. Lê văn Thêm)

**Bài số 3:**  
**TÙNG TƯỚNG NHẬP TÁNH**

\* \* \*

Nhằm để hướng dẫn tín đồ Cao Đài trên bước đường tu tập, trong “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” Đức Hộ Pháp có dạy như sau:

“Trong cửa Đạo có ba cách để về với Đức Chí Tôn hay là ba cách để lập vị mình:

**1- Cách thứ nhất:**

Các Chơn hồn mượn xác phàm phải đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa, tức là theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, dùng tài sức mình để lập công đạt Đạo, nghĩa là:

- Phải đi từ bậc Đạo hữu lên Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư . . . . .
- Phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Đại Thừa.
- Phải ăn chay 6 ngày mỗi tháng, đến 10 ngày rồi ăn chay trường luôn.
- Phải Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình Thiên hạ.
- Các Chơn hồn đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa còn phải có tự tín rồi tha tín, tức là giác nhi giác tha đó vậy.

Có tự tín rồi tha tín, tức là có tự độ mình rồi độ chúng sanh. Đạo Cao Đài khác với các tôn giáo khác là ở chỗ đó. Trước hết phải độ mình, độ gia đình mình, rồi độ ngoài thân tộc, tức là độ cả nhân loại vậy. Mình học để mình hiểu Đạo. Hiểu Đạo rồi nói sao cho thân tộc mình hiểu Đạo. Chẳng những nói Đạo cho thân tộc mình biết mà thôi, mà phải nói Đạo cho toàn thể nhân loại nữa. Mình học để biết Đạo là Lập Đức. Nói Đạo cho thân tộc mình biết là Lập Công. Độ toàn thể nhân loại là Lập Ngôn. Có làm đủ ba điều đó thì mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa.

**2- Cách thứ hai:**

Lập vị mình theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi này, ngoài việc ăn chay giữ gìn Luật Đạo, tùng theo Chơn Pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng Đức để lập vị mình.

Muốn lập Đức phải đi từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện. . v . . v . .

**Lập Đức là gì?**

Là dùng sự Thương Yêu để cứu độ chúng sanh mà Đức Chí Tôn đã có nói: “Sự Thương yêu là chìa khóa để mở cửa Bạch Ngọc Kinh” là đó vậy.

Các đấng Chơn hồn tái kiếp đang chơi với trong "Tứ Diệu Đế" khổ. **Muốn thoát khổ phải thọ khổ. Có thọ khổ mới thắng khổ.**

Muốn dạy người ta thọ khổ, trước hết mình phải thọ khổ đã. Mà muốn thọ khổ thì không gì hay bằng dùng Đức Thương Yêu. Cho nên bậc thứ nhất của Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng là Minh Đức đó vậy.

Có Thương Yêu mới thọ khổ được. Ta thương Cha Mẹ ta thì ta mới chịu khổ mà bảo dưỡng cha mẹ lúc tuổi già. Ta thương con ta nên mới tảo tần lo nuôi nó khôn lớn. Ta thương những người cô thế tật nguyền ta mới tìm phương giúp đỡ họ, mà tìm phương giúp họ là thọ khổ đó vậy.

Thọ khổ rồi mới thắng khổ. Thọ khổ không phải một ngày một bữa, mà phải thọ khổ cho đến nơi đến chốn, nghĩa là nuôi cha mẹ cho đến tuổi già, lo cho con từ khi còn bé cho đến lúc nó tự lo cho nó được. Hai điều đó còn dễ. Đến lúc lo cho thiên hạ hết khổ mới khó, vì khi lo cho người này, hết người này đến người khác và cứ như vậy trọn kiếp sanh mới gọi là thắng khổ. Có thắng khổ mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng.

### **3- Cách Thứ Ba:**

Cách thứ ba là tu Chơn hay cách tu Tịnh Luyện cũng thế.

Những người đi trong Cửu Phẩm Thần Tiên hay đi trong Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, khi mình nhận thấy là đã Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn rồi, hay là đã thọ khổ và thắng khổ rồi mà còn sức nữa thì vào nhà Tịnh để được tu Chơn. Nơi đây các vị đó sẽ học phương pháp luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần tức là Tinh Khí Thần hiệp nút là Hườn Hư đó vậy.

\* \* \*

Trên đây là ba cách để lập vị cho mình. Nói rõ hơn đây là ba con đường chánh để nhờ đó mà trở về với Đức Chí Tôn. Được Đức Hộ Pháp gọi là Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Nói về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống nhằm để chỉ cho tín đồ biết được thật rõ hầu có thể tu đạt Đạo thì cũng trong đêm Thuyết Pháp vào ngày 13 tháng 8 năm Mậu Tý (16-09-1948) tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp lại có nói thêm rằng: "Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống là một đề tài khó khăn mà muốn cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn thấu đáo, lãnh hội đầy đủ nghĩa lý sâu xa của đề tài đó, thì ít ra phải viết thành sách, mà sách ấy phải mấy ngàn trang là ít.."

Phải mấy ngàn trang là ít với ba con đường chánh này. Đó là lời Đức Hộ Pháp dạy.

Như vậy, để cho Tham Dự Viên cũng như đồng Đạo có thể nắm bắt được phần nào ba con đường chánh này, người viết vì trong khuôn khổ của Chương trình Giáo Lý, sẽ không thể viết hết được, nên sẽ không luận giải tỉ mỉ và tường tận mỗi con đường, mà chỉ xin lược giải qua, bắt đầu từ con đường thứ nhất là con đường Cửu Thiên Khai Hóa.

### **Con Đường Cửu Thiên Khai Hóa:**

Trên con đường Cửu Thiên Khai Hóa để về với Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp có chỉ rõ nhiều cách dụng công tu tập, bao gồm cách tu của một hai hay ba Tôn giáo.

Đặc biệt nhất là với con đường này, Đức Hộ Pháp trước tiên xác nhận sự hiện hữu của sắc thân hay báo thân hiển lộ mà Đức Ngài nói rõ là "**các Chơn hồn mượn xác phàm**".

Các Chơn hồn phải mượn xác phàm có nghĩa là báo thân hay xác thân của mỗi nhơn sanh được đề cập đến khi phải dụng công tu tập mà mục đích không chỉ khác hơn là để chỉ rõ cách tu cần phải tòng Tướng.

Phải tòng Tướng thì mới có thể nhập Tánh. Nói khác hơn là phải đi từ báo thân để hội nhập với pháp thân hầu trở về với Chơn Như Pháp Tánh như nói theo Đạo Phật, hay Chơn Linh Bản Thể như nói theo Đạo Cao-Đài mà hình ảnh các Chơn hồn mượn xác phàm đó là tòng tướng để nhập tánh trong con đường Cửu Thiên Khai Hóa đó vậy.

**Con đường Cửu Thiên Khai Hóa theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp gồm có những điểm đáng ghi theo trình tự bài giảng của Đức Ngài như sau:**

- 1- Xác nhận việc các Chơn hồn mượn xác phàm để tu.
- 2- Phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Đại Thừa.
- 3- Phải Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình Thiên hạ.
- 4- Phải tự tín rồi tha tín tức giác nhi giác tha.
- 5- Phải lập Đức, lập Công, lập Ngôn và có làm được ba điểm này thì mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa tức là theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

Trong 5 điểm được ghi trên đây có những điểm thuần túy là Giáo lý của Đạo Cao Đài, như xác nhận rõ là có Chơn hồn mượn xác phàm; tu theo con đường Cửu Thiên Khai Hóa là phải theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài; phải lập Công, lập Ngôn và lập Đức.

Lại có điểm dù thuộc Đạo Cao Đài nhưng có nguồn gốc từ Nho Giáo hay Khổng Giáo như Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình Thiên hạ. Cuối cùng, cũng có nhiều điểm là Giáo lý Cao Đài Giáo nhưng lại cũng có trong Giáo lý Phật Giáo như phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Đại Thừa mà rõ nét nhất là phải tự tín rồi tha tín, tức giác nhi giác tha, cũng có nghĩa là độ mình rồi độ người.

\* \* \*

Với 2 điểm thuộc Giáo lý Cao Đài Giáo thuần túy thì đây là những điểm mà người tín đồ Cao Đài cần phải thấy rõ, cần phải biết rõ và phải nương theo đó để mà tu.

Còn ba điểm khác, một giống Khổng giáo và hai giống Phật giáo thì ba điểm này bắt nguồn từ hai tôn giáo khác biệt mà khi mới thoạt nghe, hay lúc mới thoạt nhìn, hình như cách xa nhau ngàn dặm nhưng thật ra thì cũng chỉ như là một mà thôi. Ba điểm này được Đức Hộ Pháp nêu ra là để làm sáng tỏ Giáo lý lập Công, lập Ngôn lập Đức của Đạo Cao Đài. Giáo lý Tam Lập này, cũng như Giáo lý của Khổng Giáo và Phật Giáo chẳng có gì khác nhau, chỉ là một chớ chẳng hai. Có khác chẳng là do tên gọi hay cách dụng công mà thôi, chớ về việc tu để đạt Đạo thì tinh túy Giáo lý của ba tôn giáo Phật, Khổng, Cao Đài được ghi trong 5 điểm trên đây đều cũng nhằm vận dụng để tu hầu đạt đến một mục đích.

Mục đích đó là lúc còn sống tại thế gian thì chúng ta luôn luôn hoàn toàn Khang an hạnh phúc, thanh nhàn an lạc, thân tâm tự tại, không phiền não, chẳng khổ đau, còn đến lúc phải rời bỏ thế gian này thì cũng sẽ hoàn toàn bình an, được hoàn toàn tự do tức không đọa lạc, có nghĩa là tự do giải thoát, hay ít nhất cũng được siêu thăng.

Xin lược giải từng điểm một, bắt đầu từ điểm các Chơn hồn mượn xác phàm tức tòng Tướng để nhập Tánh.

**\* TÒNG TƯỚNG NHẬP TÁNH.**

Đạo Cao Đài có Giáo pháp tu "Tòng Tướng nhập Tánh" tức nương Thế Pháp để đạt Bí Pháp. Đó là Pháp môn tu không xa Đời mà lại đến được với Đạo, để rồi đạt Đạo. Đây là Giáo pháp

tu mà Đức Hộ Pháp đã dạy qua những lần thuyết Đạo tại Đền Thánh vào những đêm 5 tháng 4, 9 tháng 4, 13 tháng 4, 4 và 12 tháng 5 Kỷ Sửu 1949. Đây cũng chính là một môn Pháp tu mà có nhiều vị chưa tìm hiểu thấu đáo Giáo lý Đạo Cao Đài thì lại cho rằng cách tu của Đạo Cao Đài không cao siêu vì chưa xa lìa thế tục mà chư vị đó cho là thiếu cái Dũng hay cái "Hạnh từ bỏ" cũng có nghĩa là chẳng có xuất gia.

Cách thấy trên đây bắt nguồn từ cách nhìn ở một góc độ mà việc đúng hay sai người viết xin được phép không luận bàn, để tránh mắc phải thị phi đúng sai, phải quấy..v.v..Người viết chỉ xin được nói rõ là với cách tu này hay Pháp môn này Đạo Cao Đài nào có xa rời tinh tuý Giáo lý Tam giáo, nhất là Khổng giáo và Phật giáo.

Với Phật giáo thì Giáo lý trên đây của Đạo Cao Đài chẳng khác chi Giáo lý "Nhị đế dung thân Tam muội ấn" (1) hay Giáo lý trong kinh Như Lai Viên Giác dạy Tri huyền Ly huyền. Tri huyền có nghĩa biết đó là tạm, là giả, chỉ có rồi không mà tự điển Phật giáo gọi là ảo ảnh. (2).

Để biết có thật là tạm, là giả, là ảo ảnh hay không, và trong cái tạm cái giả này khổ đau hay hạnh phúc ra sao, người ta không còn cách nào thiết thực hơn là phải sống với cái tạm cái giả đó thì mới thấy được thật ra nó như thế nào, là cái gì, rồi mới tu hoặc hướng dẫn người khác tu. Đây là cách tu mà ngày nay Phật giáo Phát Triển hay Đại Thừa Nhật Bản đang tu. Nói rõ hơn là cách tu của Đại Thừa Phật giáo Nhật Bản cũng có những điểm không khác chi cách tu hiện tại của Đạo Cao Đài, mà cách tu của Đạo Cao Đài thì rõ nét dùng Tướng nhập Tánh hay Ly Tướng để nhập Tánh cũng có nghĩa nương sự hiển lý để cho lý sự viên dung, tức phải đi từ Đời đến Đạo, từ Sống đến Linh hay từ Thế Pháp đến Bí Pháp mà Đức Hộ Pháp đã dạy qua những đêm Thuyết Pháp như đã ghi trên. (3).

Đây chính là cách tu thiết thực, một cách tu cần phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn như các nhà sư Đại Thừa Nhật Bản mà trong đó có cả Thiền Sư danh tiếng "Daisetz Suzuki" để tri huyền rồi mới chắc chắn ly huyền được như kinh Như Lai Viên Giác đã dạy, bằng không thì e rằng mọi lời nói hay Giáo lý sẽ khó diệu dụng vì không phải từ thực nghiệm và do thực chứng thì như vậy cũng có thể gây nguy hại và làm hỏng đời tu.

Một học giả lỗi lạc hiện thời, một nhà nghiên cứu tôn giáo với nhiều nhiệt tâm và nhiệt huyết, với kiến thức uyên thâm hầu như từ kết quả của Tri Kiến, là Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ, có nói nhiều câu thật quan trọng cần được ghi nhận như sau:

"Có một điều là muốn tìm ra con đường nội tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, phải đi ra ngoài Đời trước rồi mới đi vào Đạo sau. Những con người muốn đốt giai đoạn, trốn tránh sự đời tử thuở còn thơ, rất khó mà tìm được con đường nội tâm, vì lòng họ càng ngày càng luyện tiếc thế sự, luyện tiếc những thú vui trần hoàn, bị vấp vật vì những khát khao không được thỏa mãn. Một căn do làm cho nhân loại khổ đau chính là vì đã quên mất giá trị vô biên của mình, dòng dõi sang cả của mình, tưởng rằng Trời Phật cách xa mình. Có biết đâu rằng Trời Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu mình. Trời Phật chính là bản thể của mình nhưng đã bị bụi trần hoàn che phủ mất. . . Muốn gặp Trời Phật chẳng cần đợi tới lai sinh. Chỉ giữ được lòng mình trong trắng, thanh cao, hư không, định tĩnh, là sẽ phối hợp được với Trời, với Đạo, là sẽ nhập Niết Bàn. . ." (4).

Tóm lại, với những gì được trình bày trên đây cũng như với phát biểu của vị học giả khả kính, tất cả đều không ngoài mục đích là làm sao thấy rõ được sự thật thì không còn cách nào khác hơn là phải sống với thật tế, tức phải sống với Đời, tức phải tùng Tướng. Có sống với Đời thì mới biết rõ Đời. Có tùng Tướng thì mới tận tri được Tướng, mới chân tri được

huyền và mới chắc chắn hay ít nhất mới có nhiều cơ may hơn để ly huyền được. Nói cách khác là phải tòng Tướng, có sống cuộc đời trần thế, rồi ly Tướng thì mới có nhiều duyên cơ để nhập Tánh, tức trở về với Bản Thể Chân Như hay Bản Thể Trời Phật được. Đây chính là điều mà Đức Hộ Pháp đã dạy qua những đêm thuyết Pháp như đã nêu trên.

Đến đây lại nói về nhập Tánh là về thứ hai sau tòng Tướng trong Giáo pháp "Tòng Tướng nhập Tánh hay nương sự hiển lý, lý sự viên dung".

Để nhập Tánh thực chứng trọn vẹn Giáo pháp Tướng Tánh thì Giáo lý đạo Cao Đài hay Pháp môn tu này của đạo Cao Đài cũng không đi ngoài Giáo lý của Nho giáo hay Khổng giáo và cả Phật giáo. Chỉ có phần rõ nét hơn, đó là Giáo lý Đạo Cao Đài lại triển khai xa hơn, bằng cách dung hợp Giáo lý của hai tôn giáo trên liên quan đến Tánh.

\* \* \*

Nói về Tánh theo Khổng giáo hay Nho giáo thì "Tánh là nguồn gốc của vạn vật" (Tánh giả vạn vật chi nhất nguyên) mà Mạnh Tử trước kia và Dương Vương Minh sau này lại còn nói rõ hơn.

Theo Mạnh Tử thì Tánh là bản nguyên tức Thiên Lý chí linh chí diệu mà Trời phú cho người, tức là "cái lý toàn nhiên, cái phần tinh thuần do Trời phú" (5).

Còn theo Dương Vương Minh, nếu ở Trời thì đó là Thiên Lý. Mà Trời phú cho người thì được gọi là Mệnh. Người mà nắm lấy tức người nhận vào thì đó gọi là Tánh, còn làm chủ cho thân thì gọi là Tâm (Tự kỳ hình thể đã vị chi Thiên, lưu hành đã vị chi mệnh, phú ư nhân đã vị chi Tánh, chủ ư thân đã vị chi Tâm) (Ngữ Lục I) (6).

Nói rõ hơn theo Khổng giáo hay Nho giáo thì Tâm hay Tánh có nguồn gốc từ Thiên Lý tức tự Trời mà con người thế gian tòng Tướng rồi ly Tướng để nhập Tánh, đó là rời bỏ hay xa lìa phàm phu để thể nhập với Trời, với Phật là Bản Thể của mình.

Khổng giáo hay Nho giáo mặc dù có nói như vậy về Thiên Mạng Chi Tánh chứ không phải Khế Chất Chi Tánh, nhưng để lập thành công dụng Phối Thiên tức thể nhập với Trời Phật, thì Nho gia hay Khổng Mạnh đã không có khai triển đến nơi đến chốn, nói rõ hơn là về nhập Tánh thì Khổng Giáo hay Nho giáo mặc dù có nói đến Thiên Mạng Chi Tánh nhưng không có khai triển để chỉ cách nhập hay cách tu.

Cũng như Phật giáo, sau khi Phật nói kinh Như Lai Viên Giác về tri huyền và ly huyền thì phần được triển khai nhiều nhất là ly huyền để giải thoát, tức chỉ chú trọng về phần Tiên Thiê(essentialisme) hơn là Hậu Thiên, tức phần hiện sinh, hiện thực, hiện tại, là Đời, là Sống, là Tướng (existentialisme), là ngoại cảnh trần hoàn cần phải bằng qua.

Riêng Đạo Cao Đài với Tôn chỉ Tam giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất và với đường lối tu Nhơn Đạo Đại Đồng, mặc dù trên tổng thể vẫn không xa rời tinh túy Giáo lý Tam giáo, nhưng đặc biệt lại chú trọng về phần Nhơn Đạo trước rồi mới Thiên Đạo sau. Đây là nguyên nhân để Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp dạy tín đồ rất rõ về cách tu tại thế, cách tu nương sự hiển lý, nhằm giải thoát hay siêu thăng, mà để thực hiện Giáo pháp này tức tòng Tướng và ly Tướng để nhập Tánh thì tín đồ Cao Đài trước tiên phải sống, tức ở trong Đời, nghĩa là phải bằng qua ngoại cảnh trần hoàn, rồi mới đi đến được với Linh - như lời Đức Hộ Pháp nói - có nghĩa là Linh hơn vạn vật mà đó chính là Thánh Tâm Phật Tánh hay là Đạo đó vậy.

Nói rõ hơn là muốn từ Sự đến Lý, từ Sống đến Linh, từ Tướng đến Tánh, từ Đời đến Đạo hay từ Tục Đế đến Chân Đế thì người tu nếu không y cứ vào Sự, vào Sống, vào Tướng, vào Đời, vào Tục Đế thì không làm sao đạt được Chân Đế, còn được gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế, tức không làm sao siêu thăng hay giải thoát đạt được Niết Bàn, vì thế nên Trung Quán Luận với bài tụng 24.10 mới nói như sau:

“Nhược bất y Tục Đế  
Bất đặc Đế Nhất Nghĩa (Chân Đế)  
Bất đặc Đế Nhất Nghĩa  
Tất bất đặc Niết Bàn.” (7)

Nghĩa là phải nhờ vào Sự mới đến được Lý, phải nhờ vào Sống mới đến được Linh, phải nhờ vào Đời mới đến được Đạo, phải nhờ vào Thể Pháp mới đến được Bí Pháp, phải nương vào thế gian tức Tục Đế mới đạt được Niết Bàn tức Chân Đế, tóm lại là phải Tùng Tướng thì mới Nhập Tánh.

### **Kết Luận riêng về điểm “Tùng Tướng Nhập Tánh”.**

Theo như lời Đức Hộ Pháp dạy qua những lần Thuyết Pháp được ghi trong quyển Bí Pháp (8) thì “Con người đứng trước vạn vật, thú cũng đồng thú, nhưng khác bởi người là Đạo, trong người Thể Tôn đã để Đạo. Đạo khác với thú là vì trong loài thú Đức Thể Tôn không có để Tánh Linh như Đức Thể Tôn đã định tánh cho loài người đặng loài người làm Chúa vạn vật.” (9).

Nói khác hơn “Nhơn loại đến giữa cơ Tạo Đoan Càn Khôn Vũ Trụ huyền vi bí mật, Tạo Đoan đã cho một tánh chất ly kỳ bí mật, là khôn ngoan hơn Vạn Vật. Do khôn ngoan ấy mà tìm hiểu rằng cả cơ thể Tạo Đoan có hai đặc điểm trọng yếu:

“Một là Sống  
Hai là Linh ”

.....  
“Sống tức là Đời  
Linh tức là Đạo” (10)

Và,  
“Sống tức nhiên là Thể Pháp  
Linh tức là Đạo thuộc Bí Pháp” (11)

Mà  
“Thể Pháp là cơ quan giải khổ  
Bí Pháp là cơ quan giải thoát” (12)

Nói rõ hơn, theo như lời của Đức Hộ Pháp thì trong mỗi một con người nói riêng hay như sanh nói chung, ai ai cũng có Sống và Linh, tức Đời và Đạo mà Đời là Thể Pháp, Đạo là Bí Pháp và “Bí Pháp của Đạo và Thể Pháp của Đời có liên quan với nhau, nếu làm biếng không nghe Đời thì không thể gì biết đến Đạo” (13). Nói khác hơn, muốn đi từ Thể Pháp đến Bí Pháp, từ Sống đến Linh, từ Đời đến Đạo thì trước tiên con người nói riêng hay như sanh nói chung phải tùng Tướng, đó là Sống, là Thể Pháp, là Đời. Có tùng Tướng rồi thì mới có thể nhập Tánh, mà đó là Linh, là Bí Pháp, là Đạo. Thể Pháp, Sống, Đời đó là Tục Đế còn Bí Pháp, Linh, Đạo, đó là Chân Đế hay Đế Nhất Nghĩa Đế.

Người tu nếu không nương theo Tục Đế thì không làm sao đạt đến Chân Đế, mà không được Chân Đế tức Đế Nhất Nghĩa Đế thì không đạt được Niết Bàn.

Đế Nhất Nghĩa Đế hay Chân Đế là do nơi ngôn thuyết mà biết được, trong khi ngôn thuyết thì lại hoàn toàn từ thế tục, do thế tục, thế nên nếu không nương theo Tục Đế thì không thể nói, không thể thấy và không thể đến được với Chân Đế thì làm sao đến được Niết Bàn.

Nói rõ hơn là phải đi từ Tục Đễ để đến Chân Đễ, tức là Sự đến Lý, từ Sống đến Linh, từ Đời đến Đạo, từ Thể Pháp đến Bí Pháp. Đây là cách tu Tụng Tướng nhập Tánh, cách "Tu tại Thể" trong con đường Cửu Thiên Khai Hoá thuộc Cửu Trùng Đài của Đạo Cao Đài, mà trên con đường này tín đồ cũng như Chức Sắc tất cả đều để tóc râu, sống tại thể, nghĩa là vẫn còn tụng Tướng và tu bằng cách dụng công "Tụng Tướng để nhập Tánh".

**Chú thích:**

- (1) Bí Pháp dâng Tam Bửu, Chương I - Bạch Y, Tập San Thể Đạo số 33 - USA 2007, trg 40-44.
- (2) Tự Điển Phật Học - Đạo Uyển - NXB Tôn giáo 2006, trg 268.
- (3) Bí Pháp - Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp - Printed by Mekong Printing - Thánh Thất Tộc Đạo Westminster CA, USA 1998, trg 6-10.
- (4) Tinh Hoa các Đạo giáo - Nhân Tử Bs. Nguyễn Văn Thọ - NXB Nhân Tử Văn, CA. USA 2002, trg Tựa IV - điểm 5,8,10.
- (5) Nho giáo Trần Trọng Kim - Trung Tâm học Liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất, 1971, trg 198.
- (6) Ib, trg. 211-212.
- (7) Trung Quán Luận n- Bồ Tát Long Thọ
- (8) Bí Pháp - Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp - Tài liệu do Ban Túc Ký Tòa Thánh Tây Ninh sưu khảo - Thánh Thất Tộc Đạo Westminster, CA-USA ấn hành năm 1998.
- (9) Ib - trg 8
- (10) Ib trg 9
- (11) Ib trg 10
- (12) Ib trg 8
- (13) Ib trg 17

**(HDV: HT. Lê văn Thêm)**



**BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI**  
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý - 2008

**BÀI ĐỌC THÊM**

\* Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 3 Chuyên Đề 6: "**Tìm hiểu con đường Tu của Tín đồ Cao Đài**"

**CHƯƠNG I**  
**BÍ PHÁP DÂNG TAM BỬU**  
**BÍ PHÁP GIẢI THOÁT**

**Soạn giả: Bạch Y (HT. Lê văn Thêm)**

(Bài được đăng trong Tập San Thể Đạo số 33 tháng 8-2007, Chương I, trang 20-44)

Ngoài hạnh môn tịnh tâm nhằm đi đến pháp môn Minh Tâm Kiến Tánh, đạo Cao Đài còn có một bí pháp giải thoát khác, đó là Bí Pháp Dâng Tam Bửu.

## **Vậy Bí Pháp Dâng Tam Bửu là gì?**

Theo như lời thuyết giảng của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh kể từ đầu tháng tư đến cuối tháng mười năm Kỷ Sửu (1949) thì dâng Tam Bửu có nghĩa là dâng cả xác thân của mình. Xác thân nói đây được Đức Hộ Pháp giải nghĩa là Tam Thể Thân, gồm nhục thân mà trong đó còn có Chơn Thần và Chơn Linh.

Để thấu rõ tận tường hơn ý nghĩa của bí pháp dâng hiến thân, tức dâng Tam Bửu để giải thoát, xin trước tiên được ghi lại lời dạy sau đây của Đức Hộ Pháp.

Ngài dạy sau khi dâng hoa để cúng Đức Chí Tôn thì mỗi tín đồ phải cầu nguyện hiến dâng như sau: "Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng." Rồi kể tiếp theo đó, sau khi dâng rượu và trà thì nguyện hiến dâng trí não và linh hồn.

Việc hiến dâng như vừa nói trên đây gọi là Dâng Tam Bửu, mà theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp thì Dâng Tam Bửu là một bí pháp giải thoát.

Đến đây một câu hỏi cần được đặt ra, đó là làm thế nào mà khi dâng hiến tam thể thân rồi thì người tu có thể giải thoát được? Trong tam thể thân này có đệ nhất xác thân hiển lộ, đó là xác thân do đất, nước, gió, lửa hay âm dương ngũ hành tạo thành, nó hoàn toàn hữu lậu và ô trược. Vậy thì việc hiến dâng nó có thuận tiện và có nên hay không?

Để trả lời câu hỏi trên, xin trước tiên được xét qua xác thân, tức nhục thân cùng với việc dâng hiến.

## **I- DÂNG HIẾN XÁC THÂN ĐỂ GIẢI THOÁT:**

### **A- Ý nghĩa xác thân trong Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông.**

Trong quyển Phương Châm Hành Đạo dùng để dạy tín đồ cũng như chức sắc chức việc nên nhần nại, thuận hòa khi đi hành đạo, Đức Quyền Giáo Tông có kể lại câu chuyện của Ngài Phú Lô Na, một đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca như sau:

Một hôm ngài Phú Lô Na trình xin Đức Phật cho ngài đến hành đạo tại một địa phương nọ. Đây là nơi mà người dân rất hung dữ và không ai dám đến truyền đạo cả.

Đức Phật hỏi rằng: "Nếu truyền giáo mà người ta không nghe, còn trở lại mắng nhiếc thì hiền đồ liệu sao?"

Thưa: "Nếu ai mắng nhiếc, thì đệ tử chắc rằng người ấy còn là người tốt, vì họ không đánh đập."

Hỏi: "Nếu họ đánh đập hiền đồ thì liệu sao?"

Thưa: "Đệ tử cũng cho họ là lành tốt, vì họ chỉ đánh đập chớ chứa hề đâm chém."

Hỏi: "Nếu họ đâm chém thì hiền đồ liệu sao?"

Thưa: "Đệ tử cũng cho họ là lành tốt vì họ không đành lòng chém đệ tử đến chết."

Hỏi: "Nếu họ chém chết mới liệu sao?"

Thưa: "Đệ tử sẽ cho họ là người ơn vì nhờ họ đệ tử khỏi đau đớn mà thoát được cái xác thịt hôi thúi tù túng này."

Tóm lại, với lời nói sau cùng của ngài Phú Lô Na thì cái nhục thân của mỗi con người nó hoàn toàn bất tịnh. Nó là một xác thịt hôi thúi tù túng.

Như vậy, thử hỏi với cái xác thân bất tịnh này của ta mà dâng lên Đức Chí Tôn để làm gì? Làm như vậy là ta có lỗi và có tội không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, xin được trình bày qua quan niệm của Đức Phật Thích Ca về bản thân tức là xác thân nhục thể của mỗi con người.

### **B- Xác thân hay báo thân với Đức Phật Thích Ca:**



1- Trong thời gian ngồi thiền dưới cội cây bồ đề và sắp thành đạo, Đức Phật Thích Ca có bị ma vương đến phá.

Các ma nữ ăn mặc hở hang đến trước mặt Ngài ca hát nhảy múa với những vũ điệu khêu gợi dục tình. Dụng ý của chúng là khơi dậy lòng ham muốn của Ngài.

Sở dĩ chúng làm như vậy vì chúng sợ rằng một khi ngài thành đạo rồi thì ngài sẽ tận diệt chúng. Chính vì thế mà chúng muốn ngài không thể đạt được đạo.

Mặc dù bị ma vương cố tình cám dỗ nhưng Đức Phật Thích Ca vẫn giữ được tâm an nhiên thanh tịnh. Ngài nói với đám ma nữ rằng: "Các đày da hôi thúi kia, hãy đi đi, ta không có dùng."

Lời nói của Đức Phật cho thấy ngài không dùng, tức không xử dụng các đài da hôi thúi kia. Nói rõ hơn là ngài xem phàm thân nhục thể này như là cái đài da hôi thúi, và đó là một sự thật mà nếu con người, nhất là người tu, mà còn tham đắm thì không làm sao đạt đạo được.

2- Sau khi đạt đạo và còn tại thế, có một hôm Đức Phật giảng cho các đệ tử nghe bài pháp "Quán Thân Bất Tịnh." Giảng xong, ngài cho tất cả các tỳ kheo biết là ngài phải an cư một thời gian ba tháng, không tiếp xúc với bất cứ một ai, ngoài người thị giả.

Ba tháng an cư xong, ngài trở ra và đến thăm lại các tỳ kheo đồ đệ của ngài. Ngài thấy sao họ còn ít quá, vắng mặt rất nhiều. Lấy làm lạ ngài hỏi lý do và ngài được ngài A. Nan cho biết rằng sau khi nghe Thế Tôn giảng về Thân Bất Tịnh, các Tỳ Kheo thấy gớm quá, gớm đến nỗi không còn chịu đựng nổi với thân nhơ nhớp của mình nên đã tự tử hoặc nhờ người khác giết mình cho chết để không còn nhìn thấy, cũng như không còn sống với phàm thân nhục thể nhơ nhớp này nữa.

Tóm lại, qua hai câu chuyện liên quan đến Đức Phật Thích Ca và với lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông căn cứ vào sự trình bày của ông Phú Lâu Na thì đệ nhất xác thân tức phàm thân nhục thể của mỗi con người, nó hoàn toàn hữu lậu và bất tịnh.

Sự hữu lậu và bất tịnh của nhục thân rõ ràng đã được Đức Phật xác nhận qua những lời ngài nói với ma vương lúc ngài ngồi thiền sắp đắc đạo, cũng như khi ngài dạy chúng tỳ kheo đệ tử của ngài.

Như vậy, thân này chắc chắn và hoàn toàn bất tịnh. Thế nhưng vì lý do gì mà Đức Hộ Pháp bảo phải dâng nó cho Đức Chí Tôn để ngài dùng phương nào thì dùng? Có lý do nào để Đức Hộ Pháp dạy tín đồ như vậy. Tại sao ngài lại nói việc dâng hiến xác thân lại là một bí pháp để đoạt cơ giải thoát.

Để giải tỏa những thắc mắc được nêu ra qua hai điểm A và B, xin quán xét lại xác thân qua giáo lý của đạo Cao Đài, cũng như qua cách nhìn, cách thấy của Đức Hộ Pháp.

### **C- Dâng hiến xác thân theo lời dạy của Đức Hộ Pháp:**

Thứ nhất theo giáo lý của đạo Cao Đài, rõ nhất trong phần giảng cơ dạy đạo của Đức Cao Thượng Phẩm, thì tiếng gọi xác thân là gồm cả nhục thân và Chơn Thần, Chơn Linh cộng lại, chứ không phải chỉ vồn vẹn có phàm thân nhục thể mà thôi.

Thứ hai theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì ngài bảo rằng trong xác thân của mỗi một con người, không những nó chỉ là nhục thể không thôi, mà còn có cả trí não và linh hồn. **Ngài nói: "Bần đạo thuyết minh rằng: con thú này (tức xác thân) có ông Trời ở trong, ông đồng sống với nó . . . . . Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có THẦN có THÚ, vì cơ cho nên triết lý Thất Tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm THÚ thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó."**

Nói rõ hơn, theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì trong nhục thân bất tịnh của mỗi một con người, còn gồm có thanh tịnh thân, an lạc thân, giác ngộ thân, niết bàn thân, Thánh Hiền thân hay Phật thân. Chính vì thế nên không thể tách rời cái thân này mà có Thánh Hiền thân hay Phật thân được. Nói khác hơn là muốn làm hiển lộ Phật thân thì trước tiên phải căn

cứ vào cái xác thân này, tức xác thân này là nơi xuất phát để đạt đến giác ngộ, để trở về với Chơn Tâm, Phật Tánh, Pháp Thân.

### **1- CHỨNG MINH:**

Lời dạy nêu trên của Đức Hộ Pháp hoàn toàn được chứng minh qua những gì mà Đức Phật Thích Ca trong hơn hai ngàn năm đã lưu lại.

Thật vậy, khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một hôm ngài nói với đại chúng trong đó có ngài A Nan rằng: "Thân các ông và thân Như Lai không khác gì hết, mà thân của ông gọi là thân vô minh trước ác, còn thân Như Lai gọi là pháp thân thanh tịnh."

Ngoài ra, trong kinh Như Lai Viên Giác, Đức Phật Thích Ca cũng có nói rằng thân này là huyễn, thân này không thật, nhưng trong cái không thật ấy lại có cái thật cần được bảo vệ và làm hiển lộ, đó là thân thật, tức Phật thân mà ngài Vĩnh Gia Huyền Giác tóm lược bằng câu nói "Huyễn hóa vô thân tức Pháp thân." nghĩa là thân huyễn hóa bất tịnh này có cũng như không có. Dù vậy, phải luôn luôn nhớ rằng cái thân huyễn hóa bất tịnh ấy cũng chính là Phật thân, Pháp Tánh đó vậy.

Tóm lại, khi nói về thân của mỗi con người thì nó gồm có xác thân hay báo thân, ứng thân hay hóa thân, và Pháp thân hay Phật Tánh như nói theo đạo Phật. Còn nói với đạo Cao Đài thì nó gồm có xác thân, chơn thần và chơn linh hay nhục thân, trí não và linh hồn. Cả hai tôn giáo không khác nhau ở chỗ thấy được tam thể thân, nhưng có khác nhau trong tiếng gọi.

Cũng giống như tiếng gọi có khác mà từ cái tam thể thân này, mỗi người ở một góc độ khác nhau, ở mỗi hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau, cũng như với những nhu cầu khác nhau nên thấy thân có khác. Có người thấy nó như nhớp bất tịnh. Có người thấy nó thanh tịnh, an lạc, giác ngộ, thánh thiện, v.v. Mỗi cách thấy của mỗi người là căn cứ vào căn phần, công tu trì, hay mục tiêu mà người ấy muốn nói hay muốn thấy, tức cái chân lý mà mỗi người tựa vào.

Nói về chân lý thì có hai thứ chân lý.

Một là chân lý thế gian gọi là Tục Đế. Hai là chân lý siêu xuất thế gian tức Chân Đế.

Cái mà Đức Quyền Giáo Tông nói, đó là chân lý tục đế, bày tỏ rõ ràng xác thân thế tục của mỗi con người là như nhớp bất tịnh. Còn cái mà Đức Hộ Pháp muốn chỉ, đó là chân lý xuất thế gian, chỉ rõ trong thân bất tịnh còn có Chơn Thần và Chơn Linh, tức hóa thân hay pháp thân như nói theo đạo Phật.

Việc thấu rõ hai chân lý này- mà bản chất của cả hai là bổ túc cho nhau - sẽ giúp con người không còn chẻ chia phân biệt, không còn nói tốt nói xấu, nói cao nói thấp, nói phải nói quấy, nói thị nói phi, khen chê, thương ghét, v.v. để thấy rằng tất cả tuy hai mà là một, chẳng khác nào "Nhất điểm như tinh tượng, hoành câu tợ nguyệt tà" để diễn tả chữ tâm theo Khổng giáo và Phật Giáo hay như Thiên Nhân của đạo Cao Đài với "Nhân thị chủ tâm" bao gồm nhiều bí pháp và còn hàm chứa ý nghĩa Thiên Nhân Hợp Nhất tức Trời người là một không hai và chân tâm vọng tâm cũng chỉ là một mà thôi. Ý nghĩa "Một" đây được chứng minh qua câu kết "Thiên giả, ngã dã" nghĩa là Trời cũng đó mà Người cũng đó, tức Trời Người không hai mà chỉ là một, như Đức Hộ Pháp và Đức Phật Thích Ca đã dạy mà mục đích không gì khác hơn là để chỉ cho thấy Tướng và Tánh hay Tục đế và Chân đế cũng chẳng phải hai.

### **2- CHÂN ĐẾ VÀ TỤC ĐẾ:**

Đến đây, một lần nữa xin dùng hai vẽ của cùng một chân lý tối thượng để trình bày lời nói của Đức Quyền Giáo Tông và của Đức Hộ Pháp tuy hai nhưng lại là một. Hai vẽ của chân lý

tối thượng đó là Chân đế và Tục đế.

Chân đế và Tục đế tức là Nhị đế, cũng có nghĩa là hai chân lý mà trong đó Tục đế là chân lý thế gian và Chân đế là chân lý xuất thế gian.

Như vậy, với Đức Quyền Giáo Tông qua quyển Phương Châm Hành Đạo, Ngài mặc nhiên muốn mượn lời nói của Ông Phú Lâu Na nhằm dạy về Tục đế qua việc chỉ thân bất tịnh để khuyến tu.

Còn Đức Hộ Pháp, Ngài muốn chỉ Pháp Thân hay Chơn Linh, đó là trí não, linh hồn, có sẵn trong xác thân, để người tu thấy rõ và lìa bỏ nhục thể mà trở về với Pháp Thân hay Chơn Linh.

Đây là hai chân lý (Nhị Đế), mà cả hai chân lý này chỉ nhằm vào một chân lý tối thượng, đó là giải thoát hay đoạt cảnh giới Niết Bàn. Đây cũng là cách nói, cách gọi hai bề mặt của một đồng tiền, tức cả hai vẫn là một. Một đàng dùng thể pháp chỉ thẳng thân bất tịnh, để không còn bám víu nó, tham ái nó mà phải lìa bỏ nó để lo tu đạt Đạo. Một đàng thì chỉ rõ trong thân bất tịnh ấy còn có Niết Bàn thân, Thánh Hiền thân, Phật thân, vậy thì nên mau hiển dăng xác thân, lìa bỏ xác thân để trở về với Chân thân là thân Phật, tức đạt bí pháp giải thoát.

Tóm lại, lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông và của Đức Hộ Pháp tuy hai nhưng là một.

Một muốn chỉ Tục đế là thân bất tịnh vô thường và vì nó vô thường nên nó sinh diệt, do đó phải có can đảm tức có dũng (bi, trí, dũng) để rời xa nó.

Thứ hai, rời xa nó cũng có nghĩa là phải biết buông bỏ nó, hiển dăng nó để nhờ nó và dùng nó mà lo phổ độ như lời dạy của Đức Hộ Pháp: "Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng." Như vậy, có hiển dăng nó sau khi thấy nó sinh diệt, nghĩa là chắc chắn nó sẽ trở về không, đó là cái thấy chân đế, bằng trí tuệ Vô Đối tức trí tuệ Bát Nhã mà Đức Hộ Pháp bảo làm nhưng Ngài không nói hết được, lý do vì bởi có những khó khăn qua ngôn ngữ.

## **II- KHÓ KHĂN TRONG BÍ PHÁP DÂNG TAM BỬU GIẢI THOÁT:**

Trong quyển Bí Pháp dạy về dăng Tam Bửu để giải thoát, **Đức Hộ Pháp có nói rằng:** "Có một điều Bần Đạo khuyên đừng có bơ bơ nữa, điều khó khăn phải để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm, khó lắm, phải rón học mới có thể đoạt pháp đặng." (Thuyết giảng về Bí Pháp tại Đền Thánh đêm 05 tháng 04 Kỷ Sửu (1949))

Qua lời dạy trên đây, Đức Hộ Pháp bảo toàn thể con em của Đức Ngài "đừng có bơ bơ nữa" nghĩa là phải có sự quan tâm chú ý đặc biệt, chớ đừng coi bí pháp dăng Tam Bửu là một việc tầm thường, hễ cứ niệm hiển dăng xong là giải thoát, không phải vậy đâu.

Để đạt Đạo, các con em của Đức Ngài cần phải "để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm", vì vấn đề đạt Đạo rất khó khăn, "khó lắm", phải rón học mới có thể đoạt pháp đặng.

Nói khác hơn, lời dạy Đức Ngài cho thấy Bí Pháp Dăng Tam Bửu Giải Thoát tưởng đâu là dễ, tưởng đâu cứ chấp tay lên trán niệm rồi lạy là xong, là giải thoát, nhưng thật ra có rất nhiều việc cần phải tìm hiểu cho thấu đáo tận tường, rồi phải rón tu, rón học cho đến nơi đến chốn và sau đó hành trì viên mãn mới mong có kết quả được.

Thật vậy, nếu cứ niệm xong Bí Pháp Dăng Tam Bửu thì được giải thoát, vậy thử hỏi từ trước đến giờ, biết bao nhiêu vị chức sắc và tín đồ đã dăng Tam Bửu, thậm chí không biết bao nhiêu lần, dăng liên tục tháng này qua năm nọ, nhưng có giải thoát được chưa? Nếu chưa thì tại sao? Khó khăn trở ngại ở chỗ nào?

### **A- Khó khăn do ngôn ngữ:**

Điều khó khăn thứ nhất khiến cho việc dăng Tam Bửu mà không giải thoát được là do nơi ngôn ngữ. Nói rõ hơn, ngôn ngữ không những gây khó khăn mà còn là một trở ngại cho việc

giải thoát.

Thật vậy, lời nguyện dăng xác thân cũng là một loại ngôn ngữ dùng để diễn đạt. Loại ngôn ngữ này không giống hai loại ngôn ngữ khác, đó là ngôn ngữ bằng lời nói tỏ rõ (vocal language) hay ngôn ngữ bằng cử chỉ hành động (body language). Dù vậy, cả ba loại ngôn ngữ vừa nêu đều có những đặc tính khách quan giống nhau như sau:

**1/- Ngôn ngữ không phải là sự tướng, mà chỉ là biểu tượng của sự tướng.** Nói khác hơn, ngôn ngữ chỉ là một giả danh của sự thể vì nó không phải là sự thể, nghĩa là tên gọi đó chỉ biểu tượng cho sự thể chứ không phải bản thân thực tại của sự thể. Do đó, khi nguyện hay niệm hiển dăng thì chưa phải là một sự hiển dăng thật sự. Vì chỉ nguyện hay niệm hiển dăng mà chẳng hề có sự hiển dăng nên hậu quả đương nhiên là sự giải thoát không thể có được. Sự giải thoát chỉ thành tựu là khi nào có một chuỗi dài tiếp nối từ ngôn ngữ tức nguyện niệm đến thân và tâm trọn vẹn hiển dăng đầy đủ thì mới được.

**2/- Ngôn ngữ là giả tam, hữu lậu:**

Thật vậy, ngôn ngữ vốn là biểu tượng của suy nghĩ, hay nói rõ hơn là hình thức của tư duy, mà tư duy thông thường bắt nguồn từ các giác quan.

Do giác quan có nhận cái gì ở trần cảnh bên ngoài nên mới ý thức đến cái đó. Thế rồi cái đó tạo ra ý kiến, suy nghĩ, đó gọi là tư duy. Nói khác hơn, tư duy là dùng các giác quan và ý thức phân biệt để phân biệt mọi sự vật với những hình tướng khác nhau để mà biết tức là nhận biết.

Vì tư duy có nguồn gốc từ các giác quan, mà các giác quan là hữu vi, hữu lậu, nên ngôn ngữ đến từ tư duy cũng không tránh khỏi hữu lậu.

Hữu lậu nói đây có nghĩa là còn nhuộm sắc trần, mà đối với con người thân phàm xác thịt thì cũng có nghĩa là vẫn còn phàm phu ô trược, vì thế ngôn ngữ chỉ là phương tiện để tìm tới Chân Lý, đến Đạo, chứ ngôn ngữ không phải là chân lý, là Đạo. Chính vì lý do này mà khi dùng ngôn ngữ để nguyện niệm dăng xác thân cho Thầy, rồi cho đó là xong, là đủ, là đạt cơ giải thoát thì hoàn toàn sai.

Ngôn ngữ là ngôn ngữ còn giải thoát là giải thoát.

**Nói dăng xác thân mà tâm mình có dăng thật hay không; hay miệng thì nói dăng mà tâm và thực tế lại không dăng.** Nếu đúng là có dăng thì thân đâu còn là của mình nữa, như thế mới có thể nói như lời Đức Hộ Pháp đã bảo là "con không biết nữa". Như vậy mới thật đúng theo lời nói của Đức Hộ Pháp, nghĩa là lời nói của Đức Hộ Pháp là đúng hoàn toàn đối với bất cứ tín đồ nào miệng niệm dăng và tâm thật sự cũng đã dăng.

Đàng này, nếu trái lại, ngôn ngữ thì dăng tức miệng niệm dăng nhưng tâm lại không dăng. Chính vì tâm không dăng nên sau khi cúng, tâm mới còn chạy theo xác thân trở ra ngoài đời để phân biệt tốt xấu, tranh đua hơn thua, phải quấy, khen chê, thương ghét rồi chấp nhứt, cãi cọ, gây gỗ giận hờn nhau. Đó là nói dăng mà chẳng có dăng gì cả. Chỉ là nói miệng thôi. Thế là chỉ có tu miệng chứ chẳng có tu tâm.

Muốn biết mình có thật dăng hay không thì sau khi cúng bái đàn xong rồi đi ra ngoài, nếu có ai chưởi thì mình cũng bỏ qua không giận, ai nói mình ngu mình cũng cười, ai bảo mình khôn mình cũng không mừng mình vẫn bình tâm, như vậy mới đúng là tâm mình thanh tịnh, tâm của Hiền, của Thánh, là tâm giải thoát. Tâm được thanh tịnh, trở thành tâm của Hiền Thánh là vì thân này mình đã hiển dăng trọn vẹn cho Thầy rồi, nghĩa là thân dù có nhưng cũng như không.

Mình phải thấy nó là không vì nó vô thường, nó sẽ hư hoại và biến diệt, vậy thì nên buông bỏ nó chứ đừng bám víu nó làm gì. Hễ còn bám víu nó là hơn thua, thương ghét sẽ luôn luôn vẫn còn. Nhưng nếu biết buông bỏ nó, thấy nó là không, vì vô thường biến hoại, thì

đâu còn là của mình nữa, cũng như Đức Hộ Pháp nói “hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa”. Có thật được như vậy, nghĩa là có làm đúng được như vậy, thì đó mới đúng theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, và như vậy mới đoạt cơ giải thoát được.

Tóm lại, nếu muốn đoạt được cơ giải thoát thì khi dâng Tam Bửu xong với nguyện niệm dâng hiến xác thân, người tín đồ sau đó ra hậu điện hay trở về cuộc sống thế gian ngoài đời chớ nên nói tốt nói xấu, nói hay nói dở, nói cao nói thấp, nói đúng nói sai, nói thị nói phi, chớ nên khen chê, thương ghét, chẳng còn tham ái, mê đắm hay bám víu nữa. Như vậy mới thật sự là đã hiến dâng xác thân.

Dâng xác thân ngoài mục đích phụng sự vạn linh để đoạt bí pháp giải thoát về sau, lại còn là thể pháp trong hiện tại dạy mình phải tu sửa, mà quan trọng nhất và trước tiên nhất là phải tu thân.

Tu thân đây có nghĩa là phải có chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm về thân. Chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm đó hàm chứa sự thấu hiểu tận tường thân này là vay mượn, thân này là duyên hợp, thân này là vô thường. Nó chỉ là một giả tướng hư vọng, như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như lặn điện chớp, hữu hoàn vô, như vang của tiếng, như bóng của hình, nó chẳng trường tồn. Vậy thì đừng nên bám víu nó và phải biết buông bỏ, dâng hiến nó để phục vụ vạn linh. Có thấy được như vậy thì mới đạt được cơ giải thoát. Bằng trái lại, nếu cứ vọng niệm với ngôn ngữ giả tạm và hữu lậu thì không làm sao thấy được Niết Bàn, không làm sao có thể trở lại Bạch Ngọc Kinh được.

### **3/- Ngôn ngữ thế gian và ngôn ngữ xuất thế gian:**

Trong sự giao tiếp thường xuyên giữa các phàm thân với nhau, hay giữa phàm thân và pháp thân, có hai loại ngôn ngữ. Đó là ngôn ngữ thế gian và ngôn ngữ xuất thế gian.

#### **a- Ngôn ngữ thế gian:**

Ngày nay, ngôn ngữ thế gian tiêu biểu được ưa chuộng và được đặc biệt chú trọng, đó là ngôn ngữ khoa học hay toán học.

Đây là loại ngôn ngữ thật chính xác, tỏ rõ ỏ với kết quả không thể chối cãi được nên hầu hết ai ai cũng đều ưa chuộng và dựa vào loại ngôn ngữ này để chứng minh hay kết luận những gì mà mình muốn nói, thậm chí cả nhiều vị lãnh đạo của một hai tông phái tôn giáo cũng muốn dựa vào loại ngôn ngữ khoa học này để chứng minh rằng giáo lý của tôn giáo mình là khoa học chớ chẳng phải hoàn toàn do niềm tin, nếu không nói là mê tín. Đây là một yêu cầu cần thiết và tất nhiên, không ngoài thành tâm thiện ý thỏa mãn nhu cầu phổ thông giáo lý, chẳng có gì phải thắc mắc cả.

Tuy nhiên, mặc dù ngôn ngữ hay lý luận khoa học rất tỏ rõ, chính xác, mặc dù ngày nay khoa học đã tiến rất xa, nhờ khoa học mà đời sống của con người và xã hội đã được cải thiện vượt bậc, chẳng hạn như ngày nay khoa học đã đi vào không gian để chinh phục vũ trụ, và không ai biết được là trong tương lai khoa học sẽ tiến đến đâu. Duy chỉ có một điều mà người ta có thể biết chắc chắn, đó là có những lãnh vực mà khoa học chưa biết được, chưa đi đến được, chưa khám phá được, chưa chứng minh được, đó có phải chẳng là vì khoa học chỉ dùng ngôn ngữ khoa học hay ngôn ngữ thế gian mà loại ngôn ngữ này xuất phát từ tri thức, rõ nhất là tri thức thường nghiệm (experiments), và được qui định bởi tập quán, công ước, thói quen, kinh nghiệm, v.v. tức nhiên đây là loại ngôn ngữ thế gian mà loại ngôn ngữ này hiện tại còn có những giới hạn do đặc tính và vai trò của nó.

Nó không làm sao diễn bày hết được những gì sâu kín hay lắng đọng trong lãnh vực tình cảm, tâm tư hay lòng tin thì ngôn ngữ thế gian không làm sao diễn tả hết được. (Dans le domaine des sentiments le langage est insuffisant). Nói rõ hơn, là vì nó còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và điều kiện ở thế gian nên chưa thể đạt đến tầm mức của loại ngôn ngữ

xuất thế gian.

### **b- Ngôn ngữ xuất thế gian:**

Đây là loại ngôn ngữ có nguồn gốc từ Trí Khôn Vô Đối trong giáo lý của đạo Cao Đài mà Đức Hộ Pháp đã trình bày trong quyển Bí Pháp.

Vì bắt nguồn từ Trí Khôn Vô Đối mà loại trí khôn này thuộc lãnh vực bất khả thuyết và bất khả tư nghì nên ngôn ngữ xuất thế gian cũng có những đặc tính không khác. Ngôn ngữ đó chỉ có thể cảm nhận, thẩm thấu và trực nhận sau một chuỗi dài học hỏi để có văn huệ, tư huệ rồi kế tiếp theo đó dốc lòng dụng công tu hành tinh tấn để đạt được tu huệ.

Khi nói ngôn ngữ xuất thế gian bắt nguồn từ Trí Khôn Vô Đối bất khả thuyết hay bất khả tư nghì cũng có nghĩa là không thể thuyết giảng ra hết được, không thể nói ra hết được, hay không thể tư duy, suy nghĩ theo tri thức thường nghiệm mà biết được (bất khả tư), và cũng không thể bàn thảo, lý luận với loại ngôn ngữ thế gian mà hoàn toàn hiểu hết được, đến được, nắm bắt được các trạng thái tâm linh hay chứng ngộ v.v... (bất khả nghì). Nói rõ hơn, có những trạng thái tâm linh mà con người không thể dùng ngôn ngữ thế gian để nắm bắt được mà trái lại con người chỉ có thể cảm nhận qua thẩm thấu để rồi trực nhận nhờ ngôn ngữ xuất thế gian hay ngôn ngữ vô đối.

Tóm lại, ngôn ngữ xuất thế gian là loại ngôn ngữ bắt nguồn từ Trí Khôn Vô Đối, và vì bắt nguồn từ trí khôn vô đối do đó loại ngôn ngữ này cũng có đặc tính vô đối và được gọi là ngôn ngữ vô đối.

Ngôn ngữ vô đối ở đây có nghĩa là không còn đối đãi nữa.

Ngôn ngữ không còn đối đãi nữa là loại ngôn ngữ mà trong đó không hề có tướng ngã, tướng nhân, không có ta, có người, có của ta, của người đối đãi nhau. Cũng không có sự chẻ chia, phân biệt rồi đem lý lẽ ra để tranh luận, để đối đáp, để hơn thua.

Nói khác hơn, khi còn đối đãi tức nói có thì còn không đối lại, nếu nói cao thì còn thấp đối lại, nếu nói hay thì còn dở đối lại, tức ngôn ngữ đối đãi, có nghĩa là ngôn ngữ còn có tranh chấp, còn có chấp.

Chấp ở đây là chấp phải trái, hay dở, thấp cao, có không, tốt xấu, thương ghét, v.v. để rồi cuối cùng đi đến chấp ngã, chấp nhân, nghĩa là có ta, có người đối diện, đối đãi, đối đáp với nhau. Đó là loại ngôn ngữ thế gian, là loại ngôn ngữ đã làm cho con người còn ham ăn, ham nói, dùng nó để mà đối chọi, đối đáp, tranh cãi, tranh chấp triền miên, nói rõ hơn, đó là loại ngôn ngữ của phàm phu.

Còn ngôn ngữ vô đối có nghĩa là loại ngôn ngữ mà trong đó không còn thấy có không, phải quấy, hay dở, cao thấp, tốt xấu, thương ghét, nghĩa là cả hai chỉ là một, chỉ có một không hai, như đã hiển lộ trên Thánh Tượng Thiên Nhân và trong ảnh tượng Tam Thánh Ký Hòa Ước của đạo Cao Đài. Nếu chỉ có một và không hai thì làm gì có cao thấp, hay dở, tốt xấu, ghét thương và làm gì có đối đãi, đối đáp, tranh chấp, tranh cãi nữa.

Thử lấy một thí dụ, có hai người nói phải nói quấy, nói cao nói thấp, nói tốt nói xấu, nói ghét nói thương v.v. để rồi cuối cùng đi đến tranh chấp, tranh cãi. Nhưng nếu cả hai đừng nói ghét thương, tốt xấu, hay dở, cao thấp gì cả thì làm gì có tranh chấp với nhau.

**Kết luận,** ngôn ngữ VÔ ĐỐI là loại ngôn ngữ vượt ngoài cao thấp, hay dở, tốt xấu, hơn thua, thương ghét, v.v. Ngôn ngữ VÔ ĐỐI bắt nguồn từ Trí Khôn Vô Đối bất khả thuyết, bất khả tư nghì của đạo Cao Đài, là loại ngôn ngữ có thể trực nhận, nghĩa là hiểu biết nắm bắt nó được qua sự cảm nhận từ Trí Khôn Vô Đối (Cao Đài) hay Trí Tuệ Bát Nhã (Phật Giáo), hoặc với lòng Bác Ái (Amour theo đạo Cao Đài) hay Từ Bi tức tình thương vị tha chớ không vị kỷ (theo đạo Phật). Nếu chưa có Trí Khôn Vô Đối hay Trí Tuệ Bát Nhã hoặc lòng Từ Bi hay lòng Bác Ái (Amour) thì không làm sao hiểu được, đến được và nắm bắt được loại ngôn ngữ

này. Đây là loại ngôn ngữ “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa” (Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế) tức một loại ngữ không lời và cũng không phân biệt, không tranh cãi, không tranh chấp với ai cả nên được tất cả mọi vị không những ở thế giới ta bà mà cả Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới đều chấp nhận do đặc tánh VÔ ĐỐI, âm thầm và nói lên hết cả, khắp cả.

Thật vậy, chỉ có ngôn ngữ VÔ ĐỐI, ngôn ngữ xuất thế gian mới có khả năng làm cho cảm nhận được nhiều sự việc hay hành động mà với ngôn ngữ thế gian thì không làm sao giải thích nổi.

Làm sao có thể hiểu được việc trong một kiếp làm người trước kia có lần Thái Tử Tất Đạt Đa đã đem cả vợ con mình để cho người khác trong khi vợ con ngài khóc thương thảm thiết vì phải xa chồng, xa cha. Làm sao có thể hiểu được việc này. Có ngôn ngữ thế gian nào có thể diễn tả việc này là sự thật để cho người thế gian trọn tin được không? Ấy thế mà đó là sự thật trong kinh điển Phật giáo.

Làm sao hiểu được việc Đức Phật Thích Ca lúc còn tu hạnh Bồ Tát, khi thấy một con cọp đói quá sắp chết, ngài đã đem thân mình đến hiến dâng cho cọp ăn để cứu cho cọp sống. Làm sao có thể hiểu được việc này. Bồ Tát nhất nhị địa mà còn chưa hiểu được. Chỉ có Bồ Tát từ tam tứ địa trở lên mới có thể hiểu và nắm bắt được ngôn ngữ diễn đạt hành động này, đừng nói chi đến Bồ Tát sơ cơ hay người trần tục thì làm sao hiểu nổi. Đâu có ngôn từ nào có thể diễn tả việc này để cho người thế gian trọn tin là sự thật được. Ấy vậy mà đó là sự thật trong kinh điển Phật giáo.

Sở dĩ tiền thân Thái Tử Tất Đạt Đa cho cả vợ lẫn con hay Bồ Tát hiến thân cho cọp đói ăn để cọp đói sống là vì Ngài hành một trong sáu hạnh của Bồ Tát đạo, đó là đệ nhất hạnh Bồ Thí. Hạnh Bồ Thí trong lục hạnh Bồ Tát, nói theo đạo Phật, hay hạnh “dâng hiến xác thân để phụng sự vạn linh” trong bí pháp dâng Tam Bửu giải thoát của đạo Cao Đài chỉ có thể thực hành viên mãn được khi người hành hạnh đó thấy, hiểu và có được Trí Khôn Vô Đối như nói theo đạo Cao Đài hay Trí Tuệ Bát Nhã như nói theo đạo Phật, hoặc lòng Từ Bi hay lòng Bác Ài.

Tất cả trí tuệ và tình thương vừa nói là hai thứ mà người trần thế không nào hiểu được qua ngôn ngữ khoa học hay ngôn từ thế gian. Cả hai chỉ có thể trực nhận được qua cảm nhận thẩm thấu và sự dụng công tu trì tinh tấn, để có thể nhận được cũng như có thể có được ngôn ngữ xuất thế gian mà thôi, vì cả hai là vô đối, bất khả thuyết, không thể nghĩ bàn mà đến được. Chỉ có ngôn ngữ vô đối mới có khả năng làm cho cảm nhận được nhiều sự việc hay hành động mà với ngôn ngữ thế gian thì không làm sao giải thích được.

Cũng vậy, khi người tín đồ Cao Đài niệm “dâng xác thân mình cho Đức Chí Tôn để phụng sự vạn linh” thì lời nguyện này cũng chỉ là một loại ngôn ngữ thế gian, vẫn còn hữu lậu, nếu người niệm chưa hiểu được Trí Khôn Vô Đối hay Trí Tuệ Bát Nhã, hoặc lòng Từ Bi của Tứ Vô lượng tâm hay lòng Bác Ài tức tình thương vô đối được biểu lộ trong ảnh tượng Tam Thánh Ký Hòa Ước bằng chữ Amour.

Nếu lời nguyện niệm dâng xác thân vẫn còn là một loại ngôn ngữ thế gian, vẫn còn hữu lậu, miêng thì niệm dâng mà tâm lại không dâng, mà nếu có dâng cũng chưa dâng được vì chưa có đủ lòng Bác Ài, Từ Bi và Trí Khôn Vô Đối hay Trí Tuệ Bát Nhã, vậy thì không làm sao giải thoát được. Đây là lý do thứ nhất chỉ rõ ra tại vì sao mà biết bao nhiêu lần, biết bao nhiêu tháng này đến năm nọ người tín đồ cứ niệm dâng Tam Bửu để giải thoát mà chưa giải thoát.

Tóm lại, nguyện niệm hiến dâng Tam Bửu với ngôn ngữ và tâm hạnh thế gian thì không làm sao giải thoát được. Đó là nguyện niệm chỉ để tập nguyện niệm vậy thôi, chớ muốn nguyện niệm để giải thoát thì còn “cần phải rán học mới đoạt pháp đăng” như lời Đức Hộ Pháp đã

dẫn.

Ngài dẫn tín đồ phải biết dùng ngôn ngữ thế gian để trực nhận ngôn ngữ siêu xuất thế gian, nghĩa là sử dụng ngôn ngữ từng tướng nhập tánh. Nói rõ hơn, là nếu muốn đạt được Bí Pháp Giải Thoát thì trước tiên phải biết dâng hiến xác thân như thế nào mới đúng, nghĩa là phải từng tướng như thế nào mới có thể nhập tánh.

### **B- Ngôn ngữ và giáo pháp từng tướng nhập tánh:**

Từng tướng là tùy vào thân hiển lộ, nương theo Đời, theo ngôn ngữ trần thế, tức dựa vào Thể Pháp.

Nhập tánh là sở cậy vào tâm để thể nhập vào Đạo, nương theo Đạo để đoạt Bí Pháp.

Về từng tướng nhập tánh, cũng như nương theo Thể Pháp để đạt Bí Pháp, Đức Hộ Pháp có dạy như sau: "Phải biết Thể Pháp rồi mới thấu đáo được Bí Pháp. Thể Pháp của Đời và Bí Pháp của Đạo có liên quan mật thiết với nhau. Nếu làm biếng mà không nghe Đời thì không thể gì biết đến Đạo." Tức là phải thấu hiểu Thể Pháp rồi mới có thể đạt được Bí Pháp, cũng có nghĩa phải từng tướng thì mới có thể nhập tánh được.

Nói khác hơn đó là phải nương vào Đời để đạt Đạo, phải nương vào Thể Pháp để đạt Bí Pháp tức nương vào ngôn ngữ thế gian thì mới có thể cảm nhận, thẩm thấu để trực nhận được ngôn ngữ xuất thế gian, một loại ngôn ngữ vô đối nhưng lại là ngôn ngữ đưa đến giải thoát.

Tóm lại, phải trước tiên sử dụng ngôn ngữ thế gian để nhờ đó thẩm thấu ngôn ngữ xuất thế gian, tức nương vào Thể Pháp để đạt Bí Pháp, nương vào Thân để nhập Tâm Hiền Thánh. Tổng quát lại, đó là giáo pháp từng tướng nhập tánh mà Đức Hộ Pháp muốn dạy qua quyển Bí Pháp.

Lời dạy này của Đức Hộ Pháp đạo Cao Đài cũng không khác chi lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo chủ đạo Phật.

Đức Phật Thích Ca cũng dạy trước tiên phải dùng ngôn thuyết để diễn tả tục đế.

Việc phải dùng ngôn thuyết thế gian là chuyện chẳng đáng dừng đối với chúng sinh. Lý do vì chúng sinh có nhiều khác biệt. Có người căn cơ cao, có người căn cơ thấp. Như vậy, phải dùng ngôn từ, dù hữu lậu nhưng thích hợp với từng lớp chúng sinh, để chúng sinh nhờ đó thức tỉnh và lo tu hành.

Đây là dụng ngôn ngữ thế gian nhằm chỉ rõ Tục đế. Đó cũng là vì lòng thương chúng sinh mà nói – như lời Đức Phật đã dạy – chớ thật ra ngôn thuyết Tục đế không làm sao diễn tả được Chân đế, vì Chân đế là Đạo mà Đạo vốn không lời (Đạo bốn vô ngôn), nghĩa là không có lời lẽ nào, ngôn ngữ nào diễn tả hết được Đạo cả, như Đức Lão Tử đã nói "Đạo khả đạo phi thường đạo" nghĩa là Đạo mà có thể diễn tả được thì đó không phải là Đạo nữa.

Chính vì không thể dùng ngôn thuyết để hiển bày Chân đế mà chỉ có thể lấy ngôn thuyết để diễn tả Tục đế nên Đức Phật Thích Ca sau 49 năm thuyết pháp mới nói "Ta thuyết pháp 49 năm mà không nói lời nào."

Không nói lời nào là vì ngôn thuyết, tức ngôn ngữ thế gian, không làm sao hiển bày hết được Chân Lý là Đạo. Mặc dù vậy, qua 49 năm Phật vẫn dùng ngôn ngữ thế gian để diễn tả tục đế, để chỉ dẫn và dạy dỗ chúng sinh lo tu hành.

Trường hợp Đức Phật Thích Ca nói trên cũng là trường hợp của Đức Hộ Pháp khi đức Ngài thuyết về Bí Pháp giải thoát qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu.

Trong Bí Pháp này, vì từ tâm đối với toàn thể như sanh nên Đức Ngài mới trình bày Chân Đế Niết Bàn tức Bí Pháp Giải Thoát, đạt được qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu. Nhưng thật ra Chân đế này thoát ra khỏi ngoài vòng ngôn ngữ đối đãi của thế gian, nghĩa là nếu dùng ngôn ngữ trần thế hữu lậu thì không làm sao nói ra hết được. Dù vậy Ngài vẫn nói, và do đó mà lời nói của Ngài vẫn còn quá cao siêu khó hiểu, vì lý do ngôn ngữ có những giới hạn của nó, do vai trò của ngôn ngữ là biểu tượng cho sự thể chứ không phải là bản thân của sự thể,



và cũng không thể thay thế sự thể.

Sự thể là sự việc, sự tướng. Còn ngôn ngữ là danh là tên gọi. Hai thứ hoàn toàn khác nhau. Thí dụ như ngôn từ giải thoát hay ngôn từ Niết Bàn, đó chỉ là những tiếng gọi, những ngôn từ thô chớ không phải là sự giải thoát thật sự, hay Niết Bàn thật sự.

Tóm lại, lời nói của Đức Hộ Pháp còn quá cao siêu, có thể nói là khó thể hiểu thấu hết được và vì thế mà khó thực hành viên mãn nếu người tín đồ chưa thấy cái khó và KHÓ LẮM như Đức Ngài đã nói cũng như chưa chịu để tinh thần và trí não tìm hiểu tận tường như Ngài đã dặn.

Sự trình bày cái “khó lắm” trong Bí Pháp Dâng Tam Bửu để giải thoát nhằm mục đích giải thích rằng việc diễn giải kinh điển hay lời dạy của các bậc Thánh hoặc Phật thật ra rất khó khăn. Cần phải dựa vào căn cơ, cũng như cần phải tựa nương vào Tam Huệ học và Tam Vô Lậu học, đó cũng là một điều rất khó. Nhưng nếu không thể như vậy thì có thể rơi vào tình trạng “Y kinh giải nghĩa tam thể Phật oan”

Y kinh giải nghĩa tam thể Phật oan là như thế nào?

Tức là giải nghĩa Kinh hoặc lời dạy của Thánh hay Phật mà cứ dựa theo nghĩa đen hay căn cứ vào sự hiểu biết trên bề mặt của ngôn từ thì “oan cho Phật lắm,” có nghĩa là không thể nào lột hết ý nghĩa được. Trái lại, phải xem kinh hoặc lời dạy của Thánh hay Phật như là những lời chỉ dẫn thì mới nắm bắt được những giá trị nội dung, tức Chân lý ẩn tàng, dù là vắn tắt đã được gói ghém qua thông điệp của Thánh hay Phật.

Nói rõ hơn, trên phương diện tâm thức hay trong kinh luận, ngôn ngữ không có khả năng diễn đạt tỏ rõ đầy đủ hết được. Ngôn ngữ chỉ có khả năng chỉ dẫn. Đây là sự khác biệt giữa ngôn ngữ khoa học và ngôn ngữ kinh luận. Ngôn ngữ của khoa học hay toán học dùng để diễn đạt, còn ngôn ngữ kinh luận là dùng để truyền đạt bằng cách chỉ dẫn mà thôi.

Sở dĩ phải lập lại những khó khăn mà như Đức Hộ Pháp đã nói “khó lắm”, cũng như vai trò ngôn ngữ với những giới hạn của nó, là để trình bày rằng lời nói của Đức Hộ Pháp chính là lời nói của một đức Phật. Phật có nói mà như không nói, vì với ngôn ngữ thế gian thì không thể nói hết được Chân Lý Tuyệt Đối là giải thoát. Phật chỉ có thể chỉ có thấy con đường đó thôi rồi như sanh mỗi người tùy căn cơ mà thấu hiểu mà lần bước đi theo. Như vậy, nếu cứ hiểu những gì Đức Hộ Pháp nói dựa trên bề mặt của ngôn ngữ, hay căn cứ vào nghĩa đen thì khó thể hiểu thấu nổi và không làm sao hiểu hết được.

**Làm sao có thể hiểu được khi một nhơn sanh nào đó càn rất phàm phu, vẫn còn vướng mắc trong vòng tam độc tham, sân, si, còn ham ăn, ham nói, ham cả sắc dục, không ngăn ngại rượu chè cũng như nói láo, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói lời độc ác v.v, thế rồi khi vào cúng Tứ Thời và dâng Tam Bửu, niệm dâng xác thân này cho Đức Chí Tôn thì giải thoát được.** Mà dù có giải thoát ngay được như người ta thường nói “buông đồ đao thành Phật”, nhưng như sanh đó có thật sự buông đồ đao chưa, và dù có buông rồi nhưng nếu muốn thành Phật thì phải còn một vế phụ nữa, tức một điều kiện phụ nữa mới thành Phật được, đó là kể từ lúc đó tâm mình phải hoàn toàn liên tục là tâm Phật thì mới là Phật được. Trái lại, nếu sau thời cúng tức sau khi Dâng Tam Bửu và nguyện niệm dâng xác thân xong rồi ra ngoài, người niệm lại trở về với nếp sống phàm phu thì như vậy có giải thoát được không? Chắc chắn là không.

Nói rõ hơn, “được” hay “không” chỉ là hai danh từ. Nói ra thì rất dễ nhưng thực tế thì rất khó. Lý do là Danh và Sự hoàn toàn khác nhau. Danh ngôn không phải là sự thể. Nguyện niệm để giải thoát chỉ là một loại ngôn ngữ chớ chưa hẳn là việc giải thoát thật sự. Cái khó là ở chỗ này. Như vậy, phải làm sao để vượt qua cái khó khăn đó. Để trả lời câu hỏi này, xin được một lần nữa lập lại lời dặn của Đức Hộ Pháp, dù rằng có thể

nhiều vị bảo rằng trùng điệp nhưng thật sự rất cần thiết.

**Đức Ngài nói: “Điều khó khăn phải để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm, khó lắm, phải ráng học mới có thể đạt pháp đặng.”**

Như vậy, chính Đức Hộ Pháp đã nói muốn được giải thoát là điều rất khó và khuyên con em Ngài “đừng có bơ bỡ ngỡ” mà phải ráng học.

Vì biết có nhiều khó khăn cần phải học hỏi, cần phải vượt qua mới có thể giải thoát được nên Đức Ngài đã liên tục gần cả trọn năm bỏ ra không biết bao nhiêu thì giờ công sức thuyết giảng liên tục nhiều lần nhằm làm ngọn đuốc chỉ đường cho nhơn sanh đạt Đạo. Ngài đã dạy từ Đời đến Đạo, từ Sống đến Linh, từ Thể Pháp đến Bí Pháp, từ Tục Đế đến Chân Đế để dẫn dắt nhơn sanh dụng Bí Pháp Dâng Tam Bửu lập thành Bí Pháp giải thoát thật sự.

### **III- KẾT LUẬN:**

- Mặc dù biết rằng ngôn ngữ có những giới hạn, vì ngôn ngữ không phải là sự thể, và cũng không có khả năng thay thế sự thể.
- Mặc dù về phương diện tâm linh, ngôn ngữ chỉ có vai trò chỉ dẫn, như Đức Phật Thích Ca dùng ngón tay để chỉ mặt trăng vậy.
- Mặc dù biết rõ như thế nhưng Đức Hộ Pháp vẫn cố thuyết giảng để nói ra càng nhiều càng tốt, chỉ ra càng rõ những gì nhơn sanh cần làm thì càng hay, càng có lợi cho nhơn sanh.

Đây là lý do mà Đức Quyền Giáo Tông trước, Đức Hộ Pháp sau, hai Ngài đã cố công chỉ ra con đường cho nhơn sanh nương theo đó mà đạt Đạo.

Nói khác hơn, Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông, hai vị khai sáng của đạo Cao Đài, mỗi vị một cách, mỗi vị một vai trò, đã chỉ dạy tín đồ giáo pháp từng tướng nhập tánh để đạt cơ giải thoát.

Nói từng tướng vì Đức Quyền Giáo Tông đã dựa vào thân, vào tướng để chỉ cho mọi người thấy rằng muốn hiểu rõ và sau đó đạt được cơ giải thoát thì trước tiên người tu phải trọn vẹn hành được hạnh “dâng hiến xác thân”

Nếu đã hiến dâng xác thân rồi thì xác thân này đâu còn của mình nữa. Đây là trường hợp của tiền thân Đức Phật Thích Ca khi còn là một đệ tam hoàng tử, đã hành hạnh Bồ Tát và đã dâng hiến xác thân mình cho cạp đói ăn rồi. Như vậy, nếu có ai chưởi, có ai đánh, có ai giết – như trường hợp của ông Phú Lâu Na – thì đó là chưởi, đánh, giết cái xác thân mà tâm mình đã hoàn toàn trọn vẹn hiến dâng. “Nó đâu còn là của mình nữa” như lời Đức Hộ Pháp đã nói.

Trọn vẹn hiến dâng xác thân, như Đức Quyền Giáo Tông ẩn dụ qua câu chuyện ông Phú Lâu Na, đó đúng là cách từng tướng.

Từng tướng mà Đức Quyền Giáo Tông nói, đó là để nhập tánh theo như Đức Hộ Pháp đã dạy.

Với từng tướng, Đức Quyền Giáo Tông muốn nói về Tục Đế là thân, là tướng. Còn Đức Hộ Pháp thì lại dạy nhập tánh, là Phật tánh, là Thánh tâm, mà cũng là Thiên lý, tức muốn chỉ rõ Chân Đế, chỉ rõ cách trở về với quê xưa cảnh cũ của mình, với nguồn cội của mình là cõi Trời, là giải thoát, là Niết Bàn hay là Đạo.

Người tu nếu muốn đạt Đạo thì phải từng tướng để nhập tánh, cũng như muốn được giải thoát, Niết Bàn liền đến, Phật quả đặc thành thì Tục Đế và Chân Đế phải dung thông. Có câu “Nhị Đế dung thông tam muội ấn” và câu này có nghĩa như sau:

**\*NHỊ ĐẾ:** tức là Tục Đế và Chân Đế.

A- TỤC ĐẾ: là thể tục đế, để chỉ hình danh sắc tướng, hay những lẽ thực thể gian, tức những gì mà người ta chấp nhận với trí thể gian.

B- CHÂN ĐẾ: hay Thánh đế, là chân lý mà chỉ có người tiến tu trên con đường siêu thăng giải thoát giác ngộ, hay đã giác ngộ mới thấy.

Nhị đế, ngoài ý nghĩa Tục Đế và Chân Đế còn được hiểu là Thể gian pháp hay Phật pháp, cũng có nghĩa là Thể Pháp và Bí Pháp, Tướng và Tánh, Người và Trời hay Đời và Đạo như Đức Hộ Pháp đã dạy.

### **NHỊ ĐẾ DUNG THÔNG:**

Khi nói về Nhị Đế thì người đời thường phân biệt đó là hai phạm vi khác nhau.

Nói khác hơn, người đời phần lớn hay mắc kẹt ở chỗ phân biệt Nhị Đế riêng nhau, khác nhau. Thí dụ như người ta phân biệt người tu tại gia là người thể tục, còn người xuất gia là người giải thoát.

Đến đây, có một câu hỏi cần phải được đặt ra. Đó là người tu thể tục có hẳn là người thể tục suốt kiếp không? Người tu xuất gia có đúng và có chắc là xuất gia trọn vẹn không, đầy đủ không?

Nếu người xuất gia vào chùa hay lên núi mà tâm vẫn còn phiền não, lòng vẫn còn ham lợi nghĩ danh v.v. thì như thế làm sao gọi là xuất gia trọn vẹn được, vì tuy thân đã xuất thể tục gia, nhưng tâm vẫn còn ở trong vô minh gia, phiền não gia và tam giới gia, vậy thì làm sao giải thoát được.

Trái lại, nếu người thể tục hay người tu tại gia mà phiền não lìa bỏ, khổ đau tiêu trừ thâu tỏ chân lý đời chỉ là "thị sắc thị không", sống và tu với tâm thanh tịnh, không phiền não, chẳng khổ đau thì sự siêu thăng hay giải thoát tức cõi Trời, quả Phật đã sẵn chờ. Nói rõ hơn, mặc dù thân thấy vẫn còn trong cõi đời nhân thể mà ý và tâm đã thấy rõ chân lý tức đã bước vào Chân đế rồi.

Như vậy, nói Tục Đế và Chân Đế là với mục đích nhằm cho thấy chân lý, chỉ cho con người hiểu rõ chân lý để mà tu. Điều quan trọng là phải dung thông được cả hai, đó mới là chân lý. Chớ nếu không dung thông được cả hai thì hoàn toàn không đúng chân lý, hay không làm theo đúng chân lý.

Người không dung thông được cả hai tức còn mắc kẹt hai bên, nghĩa là còn phân chia nhị biên, nhị ngã, còn nói phải nói quấy, nói thương nói ghét, nói thấp nói cao, nói hay nói dở là người vẫn còn tâm phàm phu không làm sao giải thoát được.

Phải thấy rõ nhị biên, nhị ngã, tốt xấu, cao thấp, phải quấy, ghét thương tuy rằng hai mà chỉ là một. Chúng chẳng khác nào hai bề mặt của một đồng tiền mà Lão giáo đã chỉ rõ nơi chương 2 của quyển Đạo Đức Kinh, Khổng giáo đã nói rõ qua thuyết "Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể", và Kinh Phật giáo hằng ngày sám hối nhắc đi nhắc lại rằng cả hai tuy là hai mà một qua câu "Nhị đế dung thông tam một ẩn".

Tất cả ba tôn giáo Nho, Thích, Lão với tinh túy giáo lý Đời\_ Đạo, Người\_ Trời, phàm phu\_ Phật, đã được diễn tả rõ trong giáo lý của đạo Cao Đài với Thiên Nhân bao hàm ý nghĩa chỉ một chỗ chẳng có hai, Trời cũng đó mà người cũng đó (Thiên giả, ngã giả)

Có hiểu rõ được giáo lý "Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể" tức Trời Người không khác, Đời Đạo không hai của ba tôn giáo Phật, Lão, Nho, cộng với Cao Đài giáo lý "Thiên Nhân" hay "Dieu et Humanité" thì con người mới có thể tự nói là thấy được yếu chỉ "Dung Thông", làm được việc tòng tướng là nương vào thân xác phàm trần để nhập tánh tức để tu thành Thánh, thành Phật.

Dung thông có nghĩa là vậy. Có nghĩa là thấy rõ Thánh tâm hoàn toàn ở trong thân xác phàm phu, cũng có nghĩa là Đời cũng là Đạo, phàm phu cũng là Phật, Tục Đế cũng là Chân

Để. Cả hai không ngăn ngại nhau mà lại tiếp nối nhau, hỗ trợ nhau, hòa quyện nhau với mục đích thăng hoa hay nhằm siêu thăng giải thoát.

Nói khác hơn, khi người tu đã dung thông được Nhị Đế, như nhà Phật có chỉ rõ trong kinh nhật tụng và đang tu, thì chính đó là lúc mà người tu hay hơn sanh cũng đang hành hạnh "tùng tướng nhập tánh" của đạo Cao Đài, mà như Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đã dạy là nương theo thân xác phàm phu để làm hiển lộ Phật tánh hay Thánh tâm mà theo Khổng giáo thì đó là Thiên Mệnh, theo Lão giáo đó là Đạo.

Đạo theo Lão giáo chỉ có thể đến được, Thiên Mệnh theo Khổng giáo chỉ có thể trở về được hay Phật tánh theo Phật giáo chỉ có thể hiển lộ được là khi nào người tu có được tâm hoàn toàn thanh tịnh, tức tâm đã định, đã nhập vào chánh định mà chánh định cũng có nghĩa là tam muội.

\*TAM MUỘI: là đại định, tức tâm trí chẳng còn giao động, vì đã lìa bỏ được tất cả mọi sự tà loạn. Đây là tâm thanh tịnh nguồn gốc của sự thấy biết hòa hợp, dung thông, do tâm không còn có sự phân biệt, không còn nhị biên, nhị ngã, mà trong đạo Cao Đài được biểu lộ bằng chữ "Justice" trên ảnh tượng Tam Thánh.

\*ẨN: Cuối cùng còn chữ ẩn, là con dấu để đóng xuống và để xác nhận.

Đây là xác nhận nhị đế đã được dung thông do tâm chánh định tức là nhập tam muội. Việc xử dụng tam muội ẩn không có chi khác hơn là để xác nhận kết quả đạt Đạo, đó là Thánh hay Phật tại thế gian.

\* \* \*

**Tóm lại,** với giáo lý nhị đế dung thông tam muội ẩn của đạo Phật cũng như giáo lý tùng tướng nhập tánh của đạo Cao Đài, Phật Thánh muốn chỉ cho người tu thấy rõ cái lý của tướng và tâm, cái lý của tục đế và chân đế.

Cả hai không có sự khác biệt. Cả hai tuy hai mà một như Đức Lão Tử đã nói trong Đạo Đức Kinh là hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh v.v. mà đạo Cao Đài đã ẩn tàng trong Thiên Nhân giáo lý cao siêu này của đạo Lão. Ai thấy được hữu vô tương sinh, nan dị tương thành v.v. cũng như thấy rõ Chân đế ẩn tàng trong Thiên Nhân, nói rõ hơn là thấy được diệu lý nhị đế dung thông tam muội ẩn hay tùng tướng nhập tánh là vị hành giả đó đã được xác nhận là con đường để tự đi đến quả vị Phật chẳng còn xa.

Để đi đến quả vị này, điều kiện trước tiên là người tu phải dâng hiến xác thân, dâng hiến với toàn tâm toàn ý tức với tâm giác ngộ chớ chẳng phải với nguyện niệm suông thôi, vì giữa nguyện niệm hiến dâng và hiến dâng do đã giác ngộ có một cách biệt rất xa.

Vậy, muốn san bằng sự cách xa và khác biệt này cần phải làm gì và làm như thế nào cho trọn vẹn?

Để giải đáp câu hỏi vừa nêu, phần kế tiếp sau đây xin được trình bày những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy hơn sanh làm để đạt cơ giải thoát qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu.

**\*Soan giả: Bạch Y (HT. Lê Văn Thâm)**